

Số: 653 /CV-BV71TW
Về việc Chào giá vật tư
tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Quý Công ty/Cửa hàng

Bệnh viện 71 TW có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu mua vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm, phục vụ chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 71 trung ương

Địa chỉ: phường Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Lương Tiến Dũng – Phó Trưởng khoa Dược

- SĐT: 0914.316169

- Email: tiendungth89@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược, Bệnh viện 71 trung ương, phường Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Nhận qua email: tiendungth89@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 08h ngày 21/8/2023 đến trước 16h ngày 31/8/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 31/8/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm

- Có phụ lục đính kèm

- Hàng hóa cung cấp mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được phép lưu hành tại Việt Nam, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký

2. Địa điểm giao hàng

Khoa Dược, Bệnh viện 71 trung ương, phường Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 07/9/2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trực tiếp tiền cho đơn vị cung ứng bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Thời hạn thanh toán 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các công ty, cửa hàng, kinh doanh.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đăng tải Website bệnh viện;
- Lưu: VT, khoa Dược.

GIÁM ĐỐC



Thiều Đình Hưng

PHỤ LỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số: 655/ CV-BV71TW ngày 21/8/2023
của Giám đốc Bệnh viện 71 TW)

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Hãng/Nước SX	Đặc tính TSKT	Dự trữ	Ghi chú
1	Access Ultrasensitive Insulin	Test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Phạm vi phân tích: 0,03–300 μ IU/mL [0,21–2.100 pmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước đồng thời (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Kháng thể đơn dòng của chuột kháng insulin liên kết với các hạt thuận từ, dung dịch đệm TRIS, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Kháng thể đơn dòng của chuột kháng insulin cộng hợp với phosphatase kiềm bò, dung dịch đệm TRIS, chất nền BSA, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: IgG của chuột trong dung dịch đệm HEPES, chất nền BSA, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	100	
2	Access Ultrasensitive Insulin Calibrator	MI	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm HEPES có albumin huyết thanh bò (BSA), \geq 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 μ IU/mL insulin. S1,S2,S3,S4,S5: Có chứa insulin người tổng hợp ở các mức khoảng 1, 10, 50, 150 và 300 μ IU/mL (lần lượt là 7, 70, 350, 1.050 và 2.100 pmol/L), trong dung dịch đệm HEPES có chất nền BSA, \geq 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	12	
3	Access Thyroglobulin	Test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Phạm vi phân tích: 0,1–500 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước đồng thời (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphatasa kiềm-kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Các kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm HEPES có protein (bò và chuột), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	100	
4	Access Thyroglobulin Calibrator	MI	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm HEPES có albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL thyroglobulin. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroglobulin người ở các nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 250 và 500 ng/mL, trong dung dịch đệm HEPES có BSA, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	12	
5	Access Hybritech Free PSA	Test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Phạm vi phân tích: 0,005–20 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,005–16 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng dê ở lừa, kháng thể kháng biotin ở dê và kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được gắn biotin	100	

				trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA tự do đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.		
6	Access Hybritech Free PSA Calibrator	MI	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Thành phần: S0: BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA tự do ở người ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 2, 5, 10 và 20 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,6, 4,1, 8 và 16 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	17,5	
7	Access TPO Antibody	Test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Phạm vi phân tích: 0,25–1.000 IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tục ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và được liên kết với TPO tái tổ hợp có gắn biotin ở người, được huyền phù trong dung dịch đệm ACES có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Liên hiệp photphataza kiềm-Protein A tái tổ hợp (bò) trong dung dịch đệm protein (bò) R1c: Dung dịch đệm protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300	100	
8	Access TPO Antibody Calibrator	MI	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm protein (bò) có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 S1,S2,S3,S4,S5: Huyết thanh miễn dịch TPO ở thỏ trong dung dịch đệm protein (bò) ở các nồng độ xấp xỉ 5, 20,75, 300 và 1.000 IU/mL có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300	12	
9	Access Thyroglobulin Antibody II	Test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Phạm vi phân tích: 0,9–2.500 IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước tiên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và được liên kết với thyroglobulin có gắn biotin ở người, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Liên hợp photphataza kiềm - thyroglobulin ở người (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c: Dung dịch đệm TRIS có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1d: Dung dịch đệm TRIS có chứa "blocking polymer", < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300	100	
10	Access Thyroglobulin Antibody II Calibrator	MI	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	- Thành phần: S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 IU/mL kháng thể thyroglobulin S1,S2,S3,S4,S5: Kháng thể thyroglobulin người trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 50, 250, 500, 1.000 và 2.500 IU/mL có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	16,5	
11	MAS Omni IMMUNE PRO	MI	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	05	

12	MAS Omni IMMUNE PRO	MI	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	05	
13	MAS Omni IMMUNE PRO	MI	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	05	
14	Đường glucose 200g	Gói	Đại Uy/ Việt Nam	Thành phần: Lucose monohydrate tinh khiết Quy cách: Túi 200G Được Bộ Y Tế cấp phép sản xuất Sản xuất theo dây chuyền đạt chuẩn GMP Bộ Y Tế và GMP Quốc tế	50	
15	Test nhanh dạ dày Urease	Test	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec , Việt Nam	Ống nhựa 1,5ml có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần: Urea, Phenol red, Agar, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 50 ống	100	
16	Hóa chất ly giải hồng cầu	MI	Sysmex/ Singapore	Công dụng: Dung dịch ly giải hồng cầu giúp xác định chính xác các thành phần bạch cầu Bảo quản ở 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Nonionic surfactant 0.18%, Organic quaternary ammonium salts 0.08% Quy cách: thùng 5000ml	5000	

